

Thủy nông vùng Đông Tháp Mười thời Pháp thuộc

(Tiếp theo số 431 và hết)

Trần Hữu Thắng

Đẩy mạnh cải tạo kênh cũ, đào thêm kênh mới

Do nguồn lợi quá lớn từ những kênh đào mang lại nên Toàn quyền Paul Doumer thay De Lanessan càng ra sức đẩy mạnh đào kênh. Ngày 8-9-1900, ra Nghị định thành lập Hội nghiên cứu kế hoạch đào kênh và coi việc nạo vét kênh rạch là thượng khẩn⁽¹⁾. Chương trình này được duyệt vào tháng 11-1900. Năm 1901,

thành lập Công ty đào sông và các việc công chính Đông Dương. Kế hoạch hàng năm được chi 2 triệu francs từ ngân sách Đông Dương và 240.000 francs trích ở ngân sách Nam kỳ. Chương trình này được đưa ra đấu thầu ngày 6-2-1904 và tháng 3-1904 được duyệt. Công ty Kỹ nghệ Pháp tại Viễn Đông trúng thầu. Với quyết tâm đào kênh ở Nam kỳ như thế, chắc rằng Đông Tháp Mười sẽ có

những thuận lợi để tiếp nhận sự đầu tư của tư bản Pháp.

Trong thời gian 1904 - 1906, Pháp đào kênh Lấp Vò (tỉnh Đồng Tháp ngày nay), cải tạo mở rộng sông Mân Thít. Năm 1907, trong cuộc họp của Hội đồng Thuộc địa, Tổng thanh tra công chính Đông Dương A.Pouyanne đưa ra một quy hoạch vừa đào mới vừa nạo vét, mở rộng cải tạo các kênh: Lagrange, Tổng Đốc Lộc, Đá

► Danh sách giảng viên thực hành

Stt	Họ tên	Chức danh
1	Audhuy	Giảng viên thực hành môn Vật lý
2	Bloch	Giảng viên thực hành môn Hóa học đại cương
3	Barbotin	Giảng viên thực hành môn Hóa công nghiệp
4	Eberhardt	Giảng viên thực hành môn Khoa học tự nhiên

Trong năm học 1907-1908, Đại học Đông Dương đã ban hành nội quy và chương trình học, cụ thể như sau:

Nội quy quy định đối tượng, điều kiện nhập học và tổ chức học tập tại trường Đại học Đông Dương.

Đối tượng: Tất cả những người châu Á đáp ứng điều kiện nhập học do trường Đại học Đông Dương quy định.

Điều kiện nhập học:

- Những người tốt nghiệp trường Trung học Chasseloup Laubat hoặc có bằng bổ túc;
- Những người có bằng cử nhân hoặc tú tài bản xứ, đủ trình độ tiếng Pháp;
- Những người không có bất kỳ chứng chỉ, văn bằng nào cũng được nhận vào trường theo đề xuất của Hội đồng hoàn thiện.

Những đối tượng trên phải gửi đơn xin nhập học đến Ban Thư ký của trường, trụ sở đặt tại số 40 Đại lộ Gia Long (nay là phố Mai Hắc Đế), Hà Nội trong đó nêu rõ tên, tuổi, địa chỉ, nghề nghiệp, bằng cấp, ban và các lớp thực hành mà họ muốn theo học.

Tổ chức học tập:

Các lớp học được chia làm ba ban: Văn học, Luật và Khoa học.

Những sinh viên đăng ký vào Ban Văn học phải

theo ít nhất là 5 lớp văn học. Sinh viên Ban Khoa học cũng phải theo học tối thiểu là 5 lớp khoa học. Sinh viên Ban Luật phải theo tất cả các lớp luật và ít nhất là một lớp văn học. Tất cả các sinh viên đều phải học tiếng Pháp, họ cũng có thể đăng ký vào các lớp khác thậm chí là vào một ban khác. Các lớp thực hành dành riêng cho sinh viên Ban Khoa học.

Hơn 100 năm đã trôi qua kể từ ngày Đại học Đông Dương được thành lập, trải qua nhiều biến cố lịch sử lớn lao, mô hình trường đại học hiện đại đa ngành, đa lĩnh vực với sứ mệnh "hướng dẫn tinh thần khoa học, phương pháp học tập và nghiên cứu hiện đại" tiếp tục được khẳng định. Từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, với sự ra đời của trường Đại học Việt Nam, Đại học Tổng hợp Hà Nội và Đại học Quốc gia Hà Nội, mô hình đại học đó ngày càng được khẳng định và nâng lên một tầm cao mới, góp phần to lớn hơn vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

J 1054 – Công báo Đông Dương, 1906, tr.807-810.

J 1057 – Công báo Đông Dương, 1907, tr.855, 1458-1459.

Hồ sơ 889, phòng Nha Nông-Lâm-Thương mại Đông Dương.



Biên (nay thuộc xã Thanh Phước - huyện Thanh Hóa - tỉnh Long An), Phủ Sứ, Tân Châu - Vàm Cỏ, cù lao Sung, cù lao Tây - Vàm Cỏ. Nhưng cho đến năm 1914 cũng chỉ khảo sát.

Năm 1918, cải tạo kênh Tổng Đốc Lộc. Trong năm 1918, chính quyền Pháp đào kênh xáng Lacombe (kênh Nguyễn Tấn Thành), dài 19,3km, nối kênh Nguyễn Văn Tiếp ở ngã ba Mỹ Phước. Từ đây, có thể theo kênh Tổng Đốc Lộc về Vàm Cỏ Tây đi Nhà Bè.

Từ 1923 - 1925, đào kênh nối rạch Thương Mại với sông Mỹ Tho. Từ 1921 - 1924, cải tạo mở rộng kênh Tổng Đốc Lộc và kênh số 4. Từ 1927 - 1931, đào nối kênh số 4 một đoạn 4 bis (kênh Cát Bích) và kênh Lagrange. Tính đến năm 1930, khối lượng đào kênh bằng tàu cuốc ở đồng bằng sông Cửu Long là 155 triệu m³, khối lượng này gia tăng đều đặn hàng năm. Sang đến năm 1936, Pháp đã cho đào 1.360km kênh chính, 2.500 kênh phụ và hàng ngàn km kênh nhỏ với kinh phí lên đến 58 triệu đồng.

Công việc đào kênh được xúc tiến mạnh hơn từ sau hàng loạt dự án điều tra, nghiên cứu của những chuyên gia thủy lợi giao thông trong hai thập niên đầu của thế kỷ XX như⁽²⁾:

- Dự án nghiên cứu các con sông ở Tân An của Gôdari (Gaudary) năm 1907.

- Dự án nghiên cứu Đồng Tháp Mười của Bôliê và Xarôdi (Bolliet et Saraudy) năm 1907.

- Dự án nghiên cứu Đồng Tháp Mười của Gori Pâyxo và Baydi (Gripeix et Baillie) năm 1910.

- Dự án mở rộng và hoàn thiện các con kênh phía hạ lưu Hồng Ngự của Bêna-be (Bénaberg) năm 1916.

Khối lượng đào kênh ở Nam kỳ tăng vọt lên, chỉ trong 9 năm (1905-1913), khối lượng đào kênh bằng tàu cuốc đã lên đến 37,5 triệu m³. Ngày 23-5-1913, một cuộc đấu thầu lần thứ 3, Công ty Đào sông và các việc công chính Đông Dương lại trúng thầu chương trình đào kênh 1913-1918. Nhưng do ảnh hưởng của chiến tranh Thế giới thứ nhất, hợp đồng phải thay đổi rất nhiều lần và gia hạn lại trong các năm 1927, 1928, 1929. Tình hình đó, càng làm cho công cuộc đào kênh ở Đồng Tháp Mười càng ảm đạm hơn.

Kênh Bo Bo được đào thời nhà Nguyễn (1829). Trước năm 1875, Pháp cho nạo vét lại, mở rộng⁽³⁾ và đến năm 1930 kênh này được cải tạo thêm lần nữa. Kênh có độ dài 25km, ngang 15m, sâu 2,5m, nối từ đoạn giữa kênh Trà Cú thượng ở phía bắc với kênh Thủ Thừa (kênh Trà Cú - Thủ Đoàn) ở phía đông. Kênh Bo Bo là kênh trục chính đóng vai trò xả phèn vùng trung phía bắc Thủ Thừa, chạy song song với sông Vàm Cỏ

Tây theo hướng tây bắc - đông nam là con đường thủy ngắn nhất từ Thủ Thừa đi Đức Hòa, Đức Huệ (Long An ngày nay)⁽⁴⁾.

Tiến bộ trong tổ chức, kỹ thuật đào kênh

Chỉ huy đào kênh: khi mới đặt nền cai trị ở Nam kỳ vai trò của sĩ quan quân sự Pháp rất quan trọng, và cũng vì thế mà việc đưa ra ý tưởng và chỉ huy đào kênh là từ các thủy sư đô đốc⁽⁵⁾. Mặc dù từ năm 1901, đã thành lập "Công ty đào sông và các việc công chính Đông Dương". Đến năm 1893, công việc này do một công ty tư nhân lãnh thầu⁽⁶⁾ "dưới sự kiểm soát của cơ quan công chính"⁽⁷⁾. Song, Đồng Tháp Mười là vùng đất còn hoang vắng, đầy phèn, khó canh tác, đầu tư tốn kém nên chỉ một vài cá nhân có địa vị trong chính quyền Pháp vì lợi ích riêng đứng ra chỉ huy đào. Kênh Tổng Đốc Lộc là do chính Trần Bá Lộc bỏ chi phí ra đào từ khâu lên kế hoạch, thiết kế đo đạc, thuê mướn nhân công... thực dân Pháp chỉ đồng ý cho Lộc huy động dân phu. Sau Trần Bá Lộc là những viên Tham biện người Pháp như Helgouach và Lagrange, nhận thấy được lợi nhuận từ việc đào kênh đã tổ chức đào nhiều kênh mới trong vùng này (các kênh 25 - 26 - 27 - 28, kênh 12, kênh Lagrange...). Cùng đó là một số điền chủ tư nhân đầu tư đào những kênh nhỏ nối vào các

kênh chính để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (mà tiêu biểu là Công ty Trồng lúa và Dẫn thủy của Tallefer để khai thác vùng đất kênh Bảo Định và vùng đất Năm thôn sát với Cái Bè).

Lực lượng đào kênh: vẫn biết rằng người Pháp rất cố gắng đưa vào những công cụ hiện đại (xáng mức) để đào kênh. Nhưng có lẽ vì mục đích chính trị (kiểm soát người bản địa đang căm hờn bởi sự xâm lược của thực dân Pháp trên quê hương họ), sự nghi ngờ trong đầu tư mà không đem lại lợi nhuận như mong muốn (đang trong giai đoạn thử nghiệm) nên

chính quyền thực dân sử dụng dân phu người Việt (rẻ hơn) khá nhiều cho việc đào kênh. Để tiến hành đào kênh, Trần Bá Lộc phải huy động dân phu ở huyện Cái Bè, mỗi người dân làm xau hai ngày nhưng thực tế người dân phải làm nhiều ngày công hơn. Dân phu đào kênh đa số là nông dân nghèo khổ (tại địa phương nơi có kênh đào), họ phải làm việc rất nặng nhọc “phải phát cỏ, đào tay, dùng xe trâu để tiếp nước và lương thực cho hàng trăm phu tại giữa đồng, nhiều người chết vì sốt rét và dịch tả⁽⁸⁾; trong điều kiện khắc nghiệt (thiếu nước ngọt,

rắn độc, muỗi, đĩa, nước nhiễm phen...) nhưng công cụ thì thô sơ như cuốc, xẻng, phẳng, sọt..., thế mà “chẳng được trợ cấp thức ăn, thuốc men gì cả⁽⁹⁾”.

Tiền công cho dân phu: tiền công mà dân phu lãnh được không xứng đáng với công sức họ bỏ ra, tùy từng thành phần mà chủ thầu trả tiền công khác nhau. Đối với những dân phu nghèo đói họ chỉ được trả từ 10 đến 15 xu trong một ngày. Cũng có nơi giới chủ trả từ 2 đến 3 hào trong một ngày song rất ít. Trong khi đó, lực lượng kỹ sư và nhân viên của chính quyền thuộc địa được trả lương rất cao⁽¹⁰⁾. Đời sống hiện tại khó nhọc và tương lai đen tối là nguyên nhân làm cho những dân phu đào kênh chán nản, căm ghét chế độ thực dân.

Kỹ thuật đào kênh: tư bản Pháp đã du nhập sáng Việt Nam Kỹ thuật cơ khí hiện đại lúc bấy giờ chẳng hạn như tàu cuốc⁽¹¹⁾ vận hành bằng nồi hơi với nhiên liệu là than và củi. Kỹ thuật trắc địa dùng máy ngắm (máy Kinh vĩ quang cơ⁽¹²⁾), thước giầy do các thủy sư đo đạc hoặc những kỹ sư Pháp chuyên về thủy lợi tính toán và đo vẽ với độ chính xác cao. Chính vì thế mà các kênh đào thời kỳ này được thi công nhanh gấp nhiều lần so với trước đây; sâu - rộng - dài - thẳng hơn, đi xuyên qua những cánh đồng hoang vu. Các đoạn kênh rạch nạo vét trong giai đoạn này không có tên, thường dựa trên những đoạn kênh rạch sẵn có. Còn các kênh mới thường lấy tên người chủ xưởng, chỉ huy đào kênh đó⁽¹³⁾. Thi công bằng xáng mức được tổ chức chặt chẽ hơn gấp nhiều lần cách đào thủ công. Mỗi xáng mức có gần trăm người gồm kỹ sư, nhân viên người Pháp, thông ngôn người Việt, có cả đội y tế túc trực, riêng nhân công phục vụ đốt lò hơi (sốt de) cho máy hoạt động đã là đông rồi. Khi máy vận hành, tiếng nổ của nó vang xa từ 2 - 3km, củi đốt lò hơi rực sáng cả một vùng lúc trời tối. Các kỹ sư, nhân viên phân công nhau trực theo ca. Khi tốp này xong việc thì đã có tốp khác chuẩn bị thay thế.

Tất cả những khoảnh khắc và

Kênh rạch ở Sa Đéc



hình ảnh trên gờ chỉ còn trong lịch sử nhưng khi được đọc lại ta thấy như mới hôm qua. Theo dòng thời gian, vẫn biết rằng vai trò cũng như số phận của mỗi kênh đào đã thay đổi nhiều. Song, không thể quên được sự đóng góp công sức, có cả xương máu của nhân dân ta trên những dòng kênh xáng.

Kết luận

Gần 80 năm thống trị (1867 - 1945), đây được coi là giai đoạn ổn định nhất của thực dân Pháp ở Nam kỳ, với chính sách kinh tế vẫn là khai thác thật nhanh làm giàu mau chóng cho chính quốc. Công việc đào kênh ở Đồng Tháp Mười cũng thể hiện chính sách lợi ích trước mắt. Vì thế, số lượng kênh đào vùng Đồng Tháp Mười vẫn còn ít so với các vùng khác như Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Gò Công, Mỹ Tho. Nhưng đánh giá trong thực tế, hệ thống kênh đào dưới thời kì Pháp thuộc đã làm thay đổi mau chóng nhiều diện mạo vùng Đồng Tháp Mười. Trong đó, nổi lên là thau chua, rửa phèn, thoát úng được cải thiện; hệ thống giao thông thủy đa dạng phong phú hơn. So với nhà Nguyễn, người Pháp chú ý đến lũ Đồng Tháp Mười. Từ năm 1931, họ bắt đầu tổ chức đo đạc mực nước và lưu lượng lũ trên sông Mê Kông từ Tân Châu - Châu Đốc đến Luông Pha Băng. Có thể khẳng định rằng, trong công cuộc đào kênh ở Đồng Tháp Mười người Pháp đã giải quyết được hai việc: *một là*, đối với hệ thống kênh đào cũ thời Nguyễn, Pháp đã uốn nắn lại cho kênh thẳng hơn, tăng độ sâu, mở rộng chiều ngang, nối các kênh lại với nhau tạo nên trục giao thông rất tiện lợi; *hai là*, người Pháp đã đào thêm một hệ thống kênh mới với kỹ thuật tiến bộ của châu Âu, ngoài phục vụ giao thông kênh đào trong thời kỳ này chú trọng nhiều đến thủy lợi nhằm thoát úng, rửa phèn trong vùng Đồng Tháp Mười để tăng nhanh diện tích canh tác, tăng vụ, cải thiện năng suất lúa.

Hệ thống kênh đào giai đoạn Pháp thuộc có nhiều ưu điểm nên đã phát huy được vai trò của nó, đánh thức miền đất hoang vu, mở



ra một tương lai tươi sáng như sự lạc quan của nhà văn Nguyễn Hiến Lê sau *Bảy ngày trong Đồng Tháp Mười*: “Một khi khai phá rồi, cánh Đồng Tháp Mười sẽ có một tương lai rực rỡ không kém cánh đồng Bạc Liêu, Cà Mau... Trên một trăm cây số chiều dài ta sẽ thấy màu lúa tươi thay màu cỏ lác thẫm, sẽ thấy lâu đài chiếu bóng trên dòng kinh, ghe thuyền xuôi ngược suốt ngày và những nhà máy xây dựng lên ở ngay những chỗ mà hiện nay chỉ có lau và sậy. Gãy, Hồng Ngự, Mộc Hóa sẽ thành những quận lớn như Cà Mau”⁽¹⁴⁾. ■

CHÚ THÍCH:

1. Phan Khánh (2001), *Nam bộ 300 năm làm thủy lợi*, Nxb Nông nghiệp, Tp.HCM, tr.91.
2. Thạch Phương (1989), *Địa chí Long An*, Nxb Long An, tr.100.
3. Sơn Nam (1997), *Đất Gia Định xưa*, Nxb Trẻ, Tp.HCM, tr.111.
4. Thạch Phương (1989), *Sđd*, tr.103.
5. Marie Jules Dupré là Đô đốc thủy sư đến 1875 ông chuyển sang dân sự nhưng vẫn đầu tư cho công việc đào kênh ở Nam kỳ.
6. Do cần phải đẩy mạnh đào kênh ở Nam kỳ nên một số công ty tư nhân ở Pháp đứng ra thầu: Công ty Kỹ nghệ tại Đông Dương, Công ty Montvenoux.
7. J.P.Aumiphin (1994), *Sự hiện diện tài chính và kinh tế của Pháp ở Đông Dương (1859 - 1939)*, Nxb Hội khoa học Lịch sử Việt Nam, tr.123.

8. Nguyễn Hiến Lê (1989), *Bảy ngày trong Đồng Tháp Mười*, Long An, tr.70.

9. Võ Trần Nhã (1993), *Lịch sử Đồng Tháp Mười*, Nxb Tp.HCM, tr.23-24.

10. Dưới chế độ thực, nhân viên công quyền người Pháp hưởng lương khoảng 5.000 đồng Đông Dương/năm, gấp 30 lần một viên chức trung bình và gấp 100 lần một viên chức nhỏ người Việt - Dẫn theo Nguyễn Văn Khánh (2000), *Cơ cấu kinh tế xã hội VN thời thuộc địa (1858 - 1945)*, Nxb Đại học quốc gia HN, tr.153. Cụ thể: “Một Tổng đốc (người Việt) tính cả lương và phụ cấp lương là 300 đồng tương ứng 750 phorăng - 1 đồng Đông Dương bằng 2,5 phorăng”. Dẫn theo Đinh Xuân Lâm (1999), *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo Dục, tập 2, tr.103.

11. Tiếng Pháp là Chaland, người Việt hay gọi là chiếc sà-lan, trên đó người ta đặt máy đào kênh (theo Lê Trung Hoa-Nguyễn Đình Tư, *Sổ tay địa danh TP. HCM*, Nxb Văn hóa - Văn nghệ, 2012, tr.194).

12. So với ngày nay, máy Kinh vĩ đã lạc hậu vì đã có máy Kinh vĩ điện tử.

13. Kênh Dupré còn tên khác là kênh Chợ Gạo, kênh Tổng Đốc Lộc nay gọi là kênh Nguyễn Văn Tiếp, kênh Lagrange hiện nay gọi là kênh Dương Văn Dương (huyện Tân Thạnh - Long An), kênh Lacombe bây giờ tên là Nguyễn Tấn Thành (huyện Mỹ Phước - Tiền Giang)...

14. Nguyễn Hiến Lê (1989), *Sđd*, tr.140.